

FROM REFORMISM TO COLONIAL COMPROMISE: PRESS AND THE COLONIAL PUBLIC SPHERE OF THE INDOCHINESE CONSTITUTIONALIST PARTY (1919-1942)

Dinh Hong Khoa
Dong Thap University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	16/9/2025	This article examines the trajectory of the Indochinese Constitutionalist Party in Cochinchina, tracing its shift from constitutional reformism to accommodation with the French colonial administration between 1919 and 1942. The study aims to clarify the characteristics, dynamics, and historical limits of a bourgeois political force within a colonial setting. Methodologically, it employs a qualitative approach, combining content analysis of contemporary newspapers (<i>La Tribune Indigène</i> , <i>La Tribune Indochinoise</i> , <i>L'Écho Annamite</i> , <i>Nông Cổ Mìn Đàm</i>) with existing scholarship, within a theoretical framework that integrates the concepts of the public sphere, colonial discourse, and the function of the press in constructing the colonial public sphere. The findings reveal three phases: the initial stage (1919-1922) centered on reformist demands; the period from 1923 to 1938 institutionalized these claims through the press and representative councils but declined after the 1929-1933 economic crisis; and the final stage (1939-1942), the tendency toward compromise and collaboration with the French colonial administration in Cochinchina became predominant, reflecting a shift from a reformist stance to loyalty to the colonial order. The study concludes that while the Constitutionalist Party contributed to expanding the colonial public sphere, its trajectory from reformism to accommodation underscores the structural limitations of bourgeois politics in Cochinchina under colonial rule.
Revised:	22/12/2025	
Published:	22/12/2025	
KEYWORDS		
Indochinese Constitutionalist Party		
Cochinchina		
Colonial public sphere		
Reformism		
Political compromise		

TỪ CẢI LƯƠNG ĐẾN THỎA HIỆP: BÁO CHÍ VÀ KHÔNG GIAN CÔNG LUẬN THUỘC ĐỊA CỦA ĐẢNG LẬP HIẾN ĐÔNG DƯƠNG (1919-1942)

Dinh Hồng Khoa
Trường Đại học Đồng Tháp

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	16/9/2025	Bài báo này nghiên cứu quá trình chuyển biến từ cải lương lập hiến đến thỏa hiệp với chính quyền thực dân của Đảng Lập Hiến Đông Dương tại Nam Kỳ trong giai đoạn 1919-1942. Mục tiêu của nghiên cứu là làm rõ đặc điểm, động lực và giới hạn lịch sử của một lực lượng chính trị tư sản trong bối cảnh thuộc địa. Phương pháp nghiên cứu dựa trên tiếp cận định tính, kết hợp phân tích nội dung báo chí đương thời (<i>La Tribune Indigène</i> , <i>La Tribune Indochinoise</i> , <i>L'Écho Annamite</i> , <i>Nông Cổ Mìn Đàm</i>) với các công trình học thuật hiện có, dưới khung lý thuyết về không gian công cộng, diễn ngôn thuộc địa và chức năng của báo chí trong việc kiến tạo không gian công luận thuộc địa. Kết quả cho thấy giai đoạn khởi đầu (1919-1922) tập trung vào các yêu sách cải lương; giai đoạn 1923-1938 là quá trình thể chế hóa qua báo chí và nghị trường, song sau khủng hoảng kinh tế 1929-1933 uy tín đảng suy giảm; giai đoạn 1939-1942, xu hướng thỏa hiệp và hợp tác với chính quyền thực dân Pháp tại Nam Kỳ trở nên chi phối, phản ánh sự chuyển biến từ lập trường cải cách sang trung thành với hệ thống thuộc địa. Kết luận, Đảng Lập Hiến đã mở rộng không gian công luận thuộc địa, song quỹ đạo từ cải lương đến thỏa hiệp phản ánh giới hạn tất yếu của chính trị tư sản Nam Kỳ trong khung khổ thực dân.
Ngày hoàn thiện:	22/12/2025	
Ngày đăng:	22/12/2025	
TỪ KHÓA		
Đảng Lập Hiến Đông Dương		
Nam Kỳ		
Không gian công luận thuộc địa		
Cải lương		
Thỏa hiệp		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13625>

Email: dhkhoa@dthu.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

187

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh thuộc địa đầu thế kỷ XX, báo chí và nghị trường ở Nam Kỳ trở thành những không gian công khai để trí thức và tư sản bản xứ thử nghiệm cách thức tham gia chính trị trong khuôn khổ hợp pháp. J. Habermas đã khái quát: “Không gian công cộng tư sản có thể được hiểu trước hết là nơi những cá nhân riêng lẻ tụ họp lại thành công chúng” [1, tr.27]. Báo chí, với chức năng truyền thông, giữ vai trò trung tâm trong quá trình ấy. B. Anderson nhấn mạnh tác động của in ấn: “chủ nghĩa tư bản in ấn đã khiến ngày càng nhiều người có thể nghĩ về bản thân và kết nối với người khác theo những cách hoàn toàn mới” [2, tr.36].

Từ sau Thế chiến I, nhu cầu cải cách tại Nam Kỳ được cụ thể hóa qua sự ra đời của Đảng Lập Hiến Đông Dương. R. B. Smith đã mô tả đây là “một loại hình vận động chính trị khác, do những người sẵn sàng sử dụng phương pháp nghị trường để buộc chính quyền thực dân thực hiện những lý tưởng mà chính họ công bố” [3, tr.132]. Bùi Quang Chiêu và cộng sự tận dụng báo chí làm cơ quan ngôn luận chính thức [4, tr.71]. Trên *The Indigenous Tribune* (*La Tribune Indigène*), Nguyễn Trực viết: “Một luồng gió cải cách thổi qua khắp mặt trái đất... chưa hề lúc nào tư tưởng con người chứa đựng những lời lẽ bác ái và nhân đạo như bây giờ” [5, tr. 513]. Tờ *The Annamite Echo* (*L'Écho Annamite*) số 13/04/1922 thậm chí mở đầu xã luận bằng câu hỏi: “What is freedom? (Qu'est-ce que la liberté ?)” [6, tr.1] - “Tự do là gì?”, cho thấy sự kết hợp giữa diễn ngôn cải cách và lập trường hợp tác Pháp-Việt.

Nghiên cứu gần đây cho thấy báo chí thời kỳ này là “cấu trúc học tập” của hoạt động công cộng: “Ngay cả trong những hình thức bình thường nhất, báo chí Việt Nam thập niên 1920 đã đóng vai trò như một ‘trường học’ rèn luyện cho hoạt động công cộng; các tòa soạn vừa là trụ sở, vừa là thư viện, còn ban biên tập trở thành trung tâm hữu hình quy tụ và lan tỏa ảnh hưởng đến những tầng lớp, nhóm xã hội rộng lớn hơn” [4, tr.72]. Agathe Larcher-Goscha cũng lưu ý báo chí Đông Dương về “Chuyến đi Ấn Độ đã đặt trước mắt Bùi Quang Chiêu và Dương Văn Giáo ‘một tấm gương đảo ngược’ (an inverted mirror), cho phép họ soi chiếu lại những lựa chọn của chính mình” [4, tr.70]. Đồng thời, “tấm gương ấy cũng phản chiếu một hình ảnh không mấy dễ chịu về họ: những người dân tộc chủ nghĩa chân thành, nhưng bị mắc kẹt trong khuôn khổ trung thành với chủ quyền thuộc địa và trong sự khước từ cách mạng” [4, tr.106].

Tuy nhiên, giới hạn của Đảng Lập Hiến đã sớm bộc lộ. Võ Văn Thật và cộng sự nhận định: “Mặc dù chỉ đại diện cho lợi ích của một nhóm người nhất định và chưa trở thành tiếng nói cho nhu cầu cũng như khát vọng của quần chúng, nhưng lực lượng này vẫn góp phần làm sôi động bầu không khí chính trị ở Nam Kỳ trong thập niên 1920” [7, tr.245]. Nguyễn Thế Hồng bổ sung: “Đảng Lập Hiến không đại diện cho quyền lợi của toàn thể dân tộc Việt Nam mà là tổ chức chính trị đại diện cho lợi ích của bộ phận tư sản, địa chủ người Việt ở Nam Kỳ [8, tr.102].

Nghiên cứu khẳng định rằng quỹ đạo “từ cải lương đến thỏa hiệp” của Đảng Lập Hiến Đông Dương không chỉ phản ánh sự chuyển biến trong tư tưởng và đường lối của tầng lớp tư sản bản xứ, mà còn minh chứng cho quá trình hình thành, mở rộng và giới hạn của không gian công luận thuộc địa dưới sự kiểm soát của Pháp. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung làm rõ hai khía cạnh: (1) cơ chế qua đó báo chí Lập Hiến trở thành phương tiện diễn ngôn cải lương, kiến tạo công luận nửa hợp pháp trong xã hội thuộc địa; và (2) giới hạn lịch sử của chính trị tư sản Nam Kỳ trong khuôn khổ quyền lực thực dân.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo vận dụng phương pháp nghiên cứu định tính với cách tiếp cận lịch sử - chính trị, kết hợp phân tích tư liệu gốc, đối chiếu tư liệu thứ cấp và ứng dụng khung lý thuyết liên ngành. Trọng tâm là phương pháp đọc gần (*close reading*) báo chí đương thời như *The Indigenous Tribune*, *The Indochinese Tribune* (*La Tribune Indochinoise*), *The Annamite Echo* và *Nông Cổ Mìn Đàm*. Các văn bản này cho phép tái hiện trực tiếp diễn ngôn chính trị, yêu sách cải lương cũng như sự biến đổi trong lập trường của Đảng Lập Hiến. Song song, nghiên cứu tiến hành đối chiếu với các công trình học thuật hiện đại của R. B. Smith [3], Peycam [9], Larcher-Goscha [4],

Võ Văn Thập và cộng sự [7], cũng như Nguyễn Thế Hồng [8] để kiểm chứng độ tin cậy và bổ sung chiều sâu phân tích.

Về phương pháp luận, nghiên cứu đồng thời sử dụng phương pháp lịch sử để phục dựng tiến trình hình thành, phát triển và suy yếu của Đảng Lập Hiến trong bối cảnh Nam Kỳ thuộc địa; và phương pháp logic để phân tích, khái quát các đặc điểm, qua đó lý giải vai trò cũng như giới hạn của khuynh hướng cải lương. Khung lý thuyết của nghiên cứu kết hợp ba hướng tiếp cận: không gian công cộng của J. Habermas [1], cộng đồng tưởng tượng của B. Anderson [2] và diễn ngôn thuộc địa của E. Said [10] và H. Bhabha [11]. Nếu Habermas [1] và Anderson [2] giúp lý giải vai trò của báo chí trong việc hình thành công luận và ý thức cộng đồng chính trị, thì Said [10] và Bhabha [11] chỉ ra rằng quyền lực thực dân được duy trì qua ngôn ngữ và tri thức, khiến báo chí Đông Dương vừa là công cụ tuyên truyền ý thức hệ “khai hóa”, vừa là diễn đàn giới hạn nơi trí thức bản xứ thương lượng tiếng nói chính trị của mình. Trong bối cảnh ấy, báo chí Nam Kỳ trở thành không gian công luận thuộc địa - nơi Đảng Lập Hiến Đông Dương sử dụng ngôn ngữ cải lương để hợp thức hóa đường lối ôn hòa, đồng thời tái tạo những giới hạn tư tưởng do thực dân Pháp áp đặt. Luật Báo chí năm 1881 của Pháp, cùng với Sắc lệnh ngày 30/12/1898 của Tổng thống Félix Faure và Nghị định thi hành ngày 30/01/1899 của Toàn quyền Paul Doumer, đã thiết lập cơ chế “tự do có kiểm soát” đối với báo chí bản xứ ở Đông Dương. Chính sách này vừa giới hạn quyền tự do ngôn luận, vừa tạo điều kiện cho sự hình thành một không gian công luận bán hợp pháp ở Nam Kỳ, nơi báo chí trở thành công cụ tuyên truyền của chính quyền thực dân, đồng thời là diễn đàn thương lượng chính trị của tầng lớp trí thức và tư sản bản xứ trong khuôn khổ cai trị thuộc địa.

So với các nghiên cứu trước chủ yếu thiên về mô tả lịch sử hoặc khung khái niệm đơn ngành, cách tiếp cận liên ngành của bài báo cho phép vừa phục dựng tiến trình, vừa phân tích chiều sâu lý thuyết. Nhờ đó, nghiên cứu không chỉ tái hiện đường lối từ cải lương đến thỏa hiệp của Đảng Lập Hiến mà còn góp phần làm rõ giới hạn lịch sử của chính trị tư sản trong khung khổ thuộc địa.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Giai đoạn khởi đầu và những yêu sách đầu tiên (1919-1922)

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, bối cảnh quốc tế và sự vận động trong xã hội Nam Kỳ đã mở ra một giai đoạn mới cho các lực lượng chính trị bản xứ. Trong xu thế đó, Đảng Lập Hiến Đông Dương hình thành và bước đầu công khai hóa hoạt động bằng việc sử dụng báo chí như cơ quan ngôn luận chính thức. Một mốc quan trọng là ngày 17/4/1919, khi trên măng-sét của tờ The Indigenous Tribune ghi rõ: “Organ of the Indochinese Constitutionalist Party (Organe du Parti constitutionnaliste indochinois)” [12, tr.1], tức “Cơ quan ngôn luận của Đảng Lập Hiến Đông Dương”. Điều này khẳng định ngay từ khởi đầu, Đảng đã lựa chọn báo chí như phương tiện trung tâm để truyền bá quan điểm cải lương và tạo ảnh hưởng trong công luận thuộc địa.

Trong giai đoạn 1919-1922, các yêu sách của Đảng Lập Hiến được nêu ra còn ở dạng rời rạc, nhưng tập trung vào những vấn đề thiết yếu: quyền công dân, bình đẳng về thuế khóa, tự do báo chí và ngôn luận, cũng như cơ hội tham gia vào bộ máy hành chính cho trí thức bản xứ. Những yêu sách này về sau được hệ thống hóa thành “chương trình tối thiểu”, được ghi nhận trong Thông cáo của báo chí Đông Dương (1925) với lời khẳng định Đảng Lập Hiến “tiếp tục theo đuổi việc thực hiện một chương trình tối thiểu” [13, tr.20]. Các điểm cốt yếu bao gồm: “tự do báo chí bằng tiếng An Nam, tự do ngôn luận và hội họp, mở rộng các đại hội đồng bầu cử cho người An Nam, quy chế chính trị cho người Đông Dương...” [13, tr.20]. Đây chính là sự tổng hợp lại những đòi hỏi đã manh nha từ năm 1919.

Bên cạnh đó, Đảng Lập Hiến cũng sớm chú trọng đến các vấn đề kinh tế - xã hội. Văn bản trên nêu rõ: “Bãi bỏ các độc quyền về thuốc phiện, rượu, muối... và ban hành các khoản vay nông nghiệp dài hạn” [13, tr.20]. Đồng thời, còn nhấn mạnh: “Giáo dục công ở mọi cấp cần được cải tổ để phù hợp hơn với nhu cầu của dân chúng bản xứ” [13, tr.20]. Những yêu cầu này vừa phản ánh lợi ích trực tiếp của tầng lớp tư sản - địa chủ, vừa cho thấy nỗ lực mở rộng cơ sở xã hội

của Đảng sang nông dân và trí thức trẻ. Chi tiết này cho thấy ngay từ giai đoạn đầu, Đảng Lập Hiến đặt mục tiêu cải lương rõ rệt: chấp nhận khuôn khổ cai trị thuộc địa của Pháp nhưng kỳ vọng vào những cải cách do chính quyền thực dân tiến hành, từ đó mở rộng quyền chính trị và xã hội cho tầng lớp trí thức và cư dân bản xứ.

Tuy nhiên, hạn chế của Đảng Lập Hiến cũng bộc lộ rõ ngay từ giai đoạn đầu. Theo Võ Văn Thập và cộng sự (2022), trong suốt thập niên 1920, “Đảng Lập Hiến chỉ đại diện cho lợi ích của một nhóm người, chưa phải là tiếng nói cho nguyện vọng của đông đảo quần chúng, song đã góp phần tạo nên bầu không khí chính trị sôi động ở Nam Kỳ” [7, tr.245]. Nhận định này, tuy nói về cả thập niên 1920, nhưng cũng phản ánh đúng đặc điểm của giai đoạn 1919-1922: cơ sở xã hội của đảng chủ yếu là tầng lớp tư sản - trí thức đô thị, chưa vươn tới được nông dân và công nhân.

Tóm lại, giai đoạn 1919-1922 là bước khởi đầu quan trọng: Đảng Lập Hiến xuất hiện như một tổ chức chính trị hợp pháp, có cơ quan ngôn luận riêng, đưa ra những yêu sách đầu tiên về chính trị, kinh tế và xã hội. Dù còn hạn chế về phạm vi và chiều sâu, nhưng hoạt động này đã góp phần mở rộng không gian công luận thuộc địa và đặt nền móng cho sự thể chế hóa phong trào cải lương trong những năm tiếp theo.

3.2. Giai đoạn thể chế hoá cải lương (1923-1938)

3.2.1. Thể chế hóa qua báo chí và nghị trường (1923-1930)

Sau những kiến nghị rời rạc giai đoạn 1919-1922, Đảng Lập Hiến từng bước củng cố tổ chức và mở rộng ảnh hưởng chính trị tại Nam Kỳ. Các lãnh đạo như Bùi Quang Chiêu và Nguyễn Phan Long tham gia Hội đồng Quản hạt và Hội đồng Thành phố Sài Gòn, biến nghị trường thành diễn đàn công khai cho các yêu sách cải lương.

Ngày 20/8/1926, sự xuất hiện của tờ báo *The Indochinese Tribune* với tư cách cơ quan ngôn luận chính thức đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng. Báo chí từ đây không còn là phương tiện phát biểu rời rạc, mà được thể chế hoá thành công cụ chính trị hợp pháp, gắn chặt với hoạt động nghị trường. Tờ báo phản ánh trực tiếp quan điểm, lập trường và yêu sách của Đảng, qua đó định vị vai trò của Đảng Lập Hiến như một lực lượng chính trị có tổ chức trong không gian công luận thuộc địa.

Tính chất thể chế hoá càng rõ nét hơn trong các số báo đầu thập niên 1930, khi những yêu sách và hoạt động chính trị của Đảng Lập Hiến được cụ thể hóa và đưa ra công khai trước công luận. Trong số ra ngày 04/04/1934, *The Indochinese Tribune* viết: “... hơn một nghìn năm trăm người đã hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban tiếp đón ba đại biểu của chúng ta tại Ủy ban Tiền tệ trở về từ Paris... Sự thức tỉnh tự phát của cả một dân chúng vốn cho đến nay quen cúi đầu... là một thực tế mà chúng ta lấy làm phấn khởi...” [14, tr.1]. Đoạn trích này cho thấy báo chí không chỉ dừng ở việc kiến nghị, mà còn trở thành công cụ huy động công luận, biến yêu sách cải lương thành hành động tập thể, qua đó khẳng định vị thế chính trị của Đảng trong không gian công luận thuộc địa.

Đường lối chính trị giai đoạn này thể hiện rõ chiến lược kép: vừa hợp tác trong khuôn khổ thuộc địa, vừa thúc đẩy cải cách hiến pháp. R. B. Smith nhận định: “Họ kỳ vọng đạt được, thông qua chính hành động của người Pháp, những cải cách có thể dẫn đến quá trình hiện đại hóa đất nước và mở rộng hơn nữa các quyền tự do cho cư dân bản xứ” [3, tr.134].

Báo chí trở thành công cụ vận động chính trị trung tâm, kiến tạo không gian công cộng để giới tinh hoa Việt Nam tranh luận và khẳng định bản sắc công dân. Philippe Peycam cho rằng: “Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam đã mở ra một không gian tranh luận công cộng hẹp nhưng thực chất, không phải thông qua các cơ quan ‘đại diện’ mà chủ yếu là qua báo chí” [9, tr.4]. Tiếp đó, “nền văn hóa chính trị này đã tìm thấy biểu hiện ban đầu của nó trong các tờ báo chính trị tại đô thị Sài Gòn” [9, tr.34].

Trong nghị trường, các đại biểu Lập Hiến vận dụng quyền chất vấn và kiến nghị để đưa yêu sách ra công khai. *The Indochinese Tribune* ngày 13/01/1930 khẳng định: “... bằng việc tước đoạt của Đông Dương một sự đại diện xứng đáng, đặc biệt liên quan đến các lợi ích của người bản xứ, vốn khác biệt nhưng vẫn có thể dung hòa với lợi ích của giới thực dân châu Âu” [15, tr.1].

Tuy nhiên, nền tảng xã hội của Đảng Lập Hiến vẫn hạn hẹp, Hồ Tài Huệ Tâm phân tích: “Những người Việt quan tâm nhiều nhất đến vấn đề đại diện thuộc về tầng lớp tư sản Nam Kỳ mới nổi, gồm chủ đất lớn, nhà kinh doanh, công chức thuộc địa, giáo viên và một số trí thức chuyên nghiệp. Trong đó, giới kinh doanh và địa chủ là lực lượng mạnh và hoạt động chính trị tích cực nhất... Qua quá trình này, họ đã hình thành ý thức rõ rệt về tính cách giai cấp và lợi ích giai cấp của mình, tách biệt với cả thiểu số thực dân cầm quyền lẫn quần chúng nông dân Việt Nam” [16, tr.379].

Khái quát lại, giai đoạn 1923-1930 đánh dấu bước thể chế hoá của phong trào cải lương, khi Đảng Lập Hiến biến báo chí và nghị trường thành hai kênh hoạt động chính trị hợp pháp, góp phần định hình khuôn mẫu đấu tranh nghị trường cho các phong trào dân chủ sau này. Tuy nhiên, cơ sở xã hội của Đảng vẫn chủ yếu giới hạn trong tầng lớp tư sản và trí thức đô thị, thiếu sự gắn kết với công nhân và nông dân, nên phạm vi đại diện chính trị còn hẹp và ảnh hưởng xã hội chưa sâu rộng.

3.2.2. Thoái trào và mất ảnh hưởng (1931-1938)

Sau cao trào nghị trường, báo chí cuối thập niên 1920, bước sang giai đoạn 1931-1938, Đảng Lập Hiến dần đánh mất vị thế chính trị. Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930-1931) cùng làn sóng đấu tranh quần chúng đã buộc chính quyền thuộc địa đẩy mạnh đàn áp, đồng thời siết chặt kiểm soát nghị trường và báo chí. Trong bối cảnh đó, tiếng nói cải lương của Đảng Lập Hiến ngày càng mờ nhạt, khó tạo được sức hút trong xã hội thuộc địa.

R. B. Smith cho rằng, hệ quả của cao trào 1930-1931 là “các lực lượng cộng sản và cực đoan đã có ảnh hưởng lớn hơn nhiều ở nông thôn so với Đảng Lập Hiến”, đồng thời “làm cho bất kỳ liên minh thực sự nào giữa hai nhóm này trong tương lai trở nên bất khả thi” [3, tr.146]. Smith cũng chỉ ra rằng “phương thức đấu tranh chính trị nghị trường mà Đảng Lập Hiến theo đuổi chỉ có thể bám rễ ở không gian đô thị như Sài Gòn và một số thị trấn tỉnh lỵ, trong khi ở nông thôn, phương thức này hầu như không có ý nghĩa thực tiễn. Chính vì vậy, khu vực nông thôn bị bỏ ngỏ, tạo điều kiện để các hình thức tổ chức khác, từ các hội kín tôn giáo như Cao Đài cho đến phong trào cộng sản, mở rộng ảnh hưởng” [3, tr.147]. Điều này phản ánh giới hạn giai cấp rõ rệt: chiến lược cải lương nghị trường không đủ sức lan tỏa ra nông thôn, nơi quyết định vận mệnh chính trị của đất nước. Và Smith kết luận: “Thật bất hạnh cho Đảng Lập Hiến, Việt Nam lại là một đất nước mà vận mệnh chính trị nhìn chung được quyết định ở các làng quê nhiều hơn là ở các đô thị” [3, tr.147].

Báo chí của Đảng, tiêu biểu là *The Indochinese Tribune* và *The Annamite Echo*, trong thập niên 1930 không còn tập trung vào yêu sách cải cách mà chuyển dần sang “khuyh hướng phòng thủ”. Trên *The Annamite Echo* số 26/03/1930, một xã luận phản ứng trước các cáo buộc quy trách nhiệm cho báo chí bản xứ đã viết: “Và thử nghĩ xem, báo chí An Nam đã phản đối, các cố vấn thuộc địa thậm chí còn điện về Pháp bày tỏ phần nộ! Quả thực họ chẳng hiểu gì, và điều đó khiến người ta phải tuyệt vọng về trí tuệ và tinh thần của người An Nam!” [17, tr.1]. Thái độ này hàm ý biện minh rằng báo chí tư sản đã hành xử ôn hòa, đồng thời gián tiếp tách mình khỏi phong trào đấu tranh cực đoan. *The Indochinese Tribune* tiếp tục nhấn mạnh lập trường ôn hòa bằng cách chuyển trọng tâm từ yêu sách chính trị sang biện hộ kinh tế - xã hội. Trong số ngày 19/02/1934 cũng nhấn mạnh tình cảnh bế tắc của nông dân lúa gạo trước chính sách ổn định đồng piastre: “... nguyên nhân chính là việc ổn định đồng piastre, dẫn đến hệ quả trong ba năm qua người trồng lúa không thể bán được mùa màng với chút lợi nhuận nào” [18, tr.1]. Tương tự, số ngày 06/08/1934, tờ báo viết: “Một dân tộc bất kỳ không thể nộp thuế nhiều hơn số mà họ kiếm được từ lao động... Đòi hỏi họ nhiều hơn khả năng có thể đây họ, trong cơn tuyệt vọng, tới những cực đoan tồi tệ nhất” [19, tr.1]. Những dẫn chứng này cho thấy, thay vì tiếp tục thúc đẩy cải lương chính trị, báo chí của Đảng đã co về lập trường phòng thủ, chủ yếu kêu gọi giảm gánh nặng kinh tế và tránh rối loạn xã hội. Chính điều này khiến Đảng Lập Hiến ngày càng xa rời phong trào quần chúng, đồng thời tự đặt mình trong thế hợp tác với chính quyền thuộc địa.

Nhận xét này phù hợp với đánh giá của Nguyễn Thế Hồng: “Qua quá trình hoạt động thể hiện rõ Đảng Lập Hiến không đại diện cho quyền lợi của toàn thể dân tộc Việt Nam mà là tổ chức chính trị

đại diện cho lợi ích của bộ phận tư sản, địa chủ người Việt ở Nam Kỳ” [8, tr.102]. Sự giới hạn về cơ sở xã hội càng rõ khi các phong trào mới như Cao Đài và Hòa Hảo trỗi dậy, thu hút đông đảo nông thôn, trong khi Đảng Lập Hiến ngày càng xa rời nền tảng xã hội rộng lớn.

Đặc biệt, các bài báo cuối thập niên 1930 của Đảng hầu như chỉ ca ngợi “truyền thống hợp tác Pháp - Việt”, thay vì đề xuất các chương trình cải cách cụ thể. Chính vì thế, Đảng từ vị trí tiên phong trong nghị trường và báo chí đã trở thành một tiếng nói lạc lõng giữa đời sống chính trị thuộc địa.

Như vậy, giai đoạn 1931-1938 cho thấy sự bế tắc rõ rệt trong đường lối cải lương của Đảng Lập Hiến. Từ vị thế là lực lượng chính trị hợp pháp đại diện cho xu hướng dân chủ, Đảng dần đánh mất vai trò của mình, khi không còn khả năng điều chỉnh chiến lược trước sự thay đổi của bối cảnh thuộc địa. Việc thiếu gắn kết với phong trào quần chúng và lựa chọn thỏa hiệp với chính quyền thực dân Pháp khiến ảnh hưởng chính trị của Đảng suy giảm nghiêm trọng, đồng thời vô hình trung mở đường cho giai đoạn hợp tác toàn diện với Pháp từ năm 1939.

Trong bối cảnh thuộc địa, báo chí Nam Kỳ không chỉ là kênh truyền tải thông tin mà còn là công cụ kiến tạo công luận. Những tờ báo do người Việt sáng lập như *The Indigenous Tribune*, *The Indochinese Tribune* hay *The Annamite Echo* góp phần hình thành một không gian công luận bán hợp pháp, nơi các khái niệm về quyền công dân, bình đẳng và tự do được diễn giải lại trong ngôn ngữ cải lương. Qua đó, báo chí tạo nên một tầng lớp độc giả mới - trí thức đô thị và tư sản bán xứ có khả năng tiếp nhận, phản biện và hình thành ý thức chính trị.

Tuy nhiên, sự tác động này cũng dẫn đến phản ứng hai chiều. Chính quyền thực dân Pháp vừa tận dụng báo chí bán xứ để củng cố diễn ngôn “khai hóa”, vừa lo ngại sự lan tỏa của tư tưởng dân chủ, nên thường xuyên áp dụng kiểm duyệt, đình bản hoặc truy tố khi nội dung vượt khỏi giới hạn cho phép. Ngược lại, trong công chúng, đặc biệt là giới thanh niên trí thức, báo chí Lập Hiến vừa được xem là diễn đàn chính trị hợp pháp đầu tiên, vừa bị phê phán là mất tính phản kháng, phản ánh rõ sự giằng co giữa kỳ vọng cải cách và hiện thực lệ thuộc trong xã hội thuộc địa Nam Kỳ.

3.3. Giai đoạn thỏa hiệp và hợp tác với Pháp (1939-1942)

Sau giai đoạn thoái trào 1931-1938, Đảng Lập Hiến bước vào một bước ngoặt mới trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đông Dương trở thành vị trí chiến lược đặc biệt của Pháp ở Viễn Đông. Đảng không còn duy trì lập trường đấu tranh cải lương như thập niên 1920 mà nhanh chóng chuyển sang tuyên truyền lòng trung thành với chính quốc. Ngay trong số báo *The Indochinese Tribune* ngày 13/9/1939, tờ báo tuyên bố: “Quốc gia và dân tộc chúng ta là một bộ phận không thể tách rời của Đế quốc Pháp... Chúng ta đứng về phía nước Pháp...” [20, tr.1]. Từ đây, mục tiêu cải lương nhường chỗ cho luận điệu hợp tác, coi sự gắn bó với Pháp là “thiên chức chính trị” của người Nam Kỳ.

Trong những năm 1940-1942, *The Indochinese Tribune* trở thành cơ quan tuyên truyền chiến tranh. Báo ngày 03/01/1941, ca ngợi Thống chế Pétain là “cứu tinh của nước Pháp” với tuyên bố: “Đúng vậy, Thống chế Pétain không thể phủ nhận là vị cứu tinh của nước Pháp...” [21, tr.1]. Đồng thời, báo ngày 07/09/1942, còn vận động tài chính cho chính quốc, kêu gọi mua công khố phiếu Đông Dương: “Hãy không ngần ngại dâng sự ủng hộ của bạn cho Chính phủ. Hãy mua công khố phiếu Đông Dương” [22, tr.2]. Đỉnh điểm là xã luận *Amis & compatriotes!* ngày 30/9-02/10/1942, khi Bùi Quang Chiêu tuyên bố tạm ngừng xuất bản báo và nhìn lại 16 năm hợp tác, thừa nhận: “... tôi đã cố gắng thực hiện một công việc hữu ích, nhằm xây dựng một bầu không khí hợp tác chân thành giữa Pháp và Nam Kỳ... Chúng ta đã cùng nhau phục vụ một cách đồng tâm nhất trí để đề xuất những cải cách cấp bách nhất, hữu ích nhất, nhằm đưa Pháp và Đông Dương lại gần nhau hơn trên con đường tiến bộ chung... Trong khi chờ đợi thời điểm thuận lợi hơn để khởi sự lại từ chính nơi chúng ta đã dừng lại...” [23, tr.1]. Trong các số báo giai đoạn 1941-1942, diễn ngôn của Đảng Lập Hiến chuyển hẳn sang tán dương chính quyền Vichy và cổ vũ lòng trung thành với chính quốc, phản ánh sự biến dạng sâu sắc của diễn ngôn cải lương: từ mục tiêu cải cách trong khuôn khổ thuộc địa sang việc hợp thức hóa và ca tụng quyền lực thực dân.

Phản ứng của dư luận đương thời khá rõ rệt. Tầng lớp thanh niên trí thức xem đó là “sự phản bội tinh thần cải cách”, trong khi chính quyền Pháp coi Lập Hiến là “đối tác ôn hòa cần duy trì”. Như Hồ Tài Huệ Tâm nhận định, Đảng Lập Hiến đã sớm “bị kẹt trong luật chơi của giới chủ thuộc địa” [16, tr.388], phản ánh tình trạng lệ thuộc kép về tư tưởng và quyền lực. Quan điểm của tác giả cũng giúp soi rõ bản chất của sự chuyển hướng này: ngay từ sau năm 1922, Đảng đã rơi vào thế bị động trong khuôn khổ chính trị do Pháp thiết lập, với những quan niệm hạn hẹp về tự do và nỗi lo sợ trước quần chúng đông đảo. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, khuynh hướng ấy bộc lộ hoàn toàn qua việc lựa chọn hợp tác thay vì cải lương, coi “hợp tác Pháp - Việt” là con đường duy nhất để tồn tại.

Như vậy, từ một tổ chức từng đại diện cho xu hướng cải cách ôn hòa, Đảng Lập Hiến đã chuyển hẳn sang con đường thỏa hiệp, cuối cùng trở thành công cụ tuyên truyền chính trị cho Pháp trong thời chiến. Sự chuyển biến này cho thấy Đảng đã đánh mất hoàn toàn vai trò đấu tranh dân chủ, bị gắn chặt vận mệnh vào sự tồn tại của chính quốc. Khi Nhật tiến vào Đông Dương năm 1940, vị thế của Pháp tại thuộc địa lung lay, thì ảnh hưởng của Đảng Lập Hiến cũng suy giảm nghiêm trọng; đến năm 1942, với việc *The Indochinese Tribune* buộc phải đình bản, tổ chức này hầu như không còn hiện diện trên chính trường. Đây chính là giới hạn lịch sử của giai cấp tư sản cải lương Nam Kỳ: không vượt thoát khỏi quỹ đạo của chế độ thuộc địa, không xây dựng được cơ sở xã hội rộng lớn, và vì thế không thể trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào dân tộc.

Từ 1919 đến 1942, Đảng Lập Hiến Đông Dương trải qua ba chặng đường: khởi đầu với những yêu sách cải lương ôn hòa (1919-1922); mở rộng ảnh hưởng qua báo chí và nghị trường rồi nhanh chóng thoái trào (1923-1938); và cuối cùng thỏa hiệp, trở thành công cụ tuyên truyền của Pháp trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1942). Quỹ đạo “từ cải lương đến thỏa hiệp” cho thấy Đảng đã góp phần mở ra không gian công luận và tiền lệ nghị trường trong xã hội thuộc địa, song lại bị giới hạn bởi nền tảng giai cấp hẹp và sự lệ thuộc vào chính quốc. Khi Nhật tiến vào Đông Dương và *The Indochinese Tribune* đình bản năm 1942, Đảng Lập Hiến cũng chính thức biến mất, để lại một minh chứng điển hình cho giới hạn lịch sử của giai cấp tư sản cải lương Nam Kỳ.

4. Kết luận

Tiến trình hoạt động của Đảng Lập Hiến Đông Dương (1919-1942) phản ánh một giai đoạn đặc thù của lịch sử chính trị Nam Kỳ, khi tầng lớp tư sản cải lương tìm kiếm con đường cải cách trong khuôn khổ pháp lý thuộc địa. Bằng việc tận dụng báo chí và nghị trường, Đảng đã góp phần mở rộng không gian công luận và tạo tiền lệ nghị trường trong bối cảnh thực dân, qua đó khẳng định một dạng thức đấu tranh hợp pháp hiếm hoi của xã hội thuộc địa. Tuy nhiên, sự lệ thuộc vào khuôn khổ thể chế thuộc địa, giới hạn về cơ sở xã hội và xu hướng thỏa hiệp ngày càng rõ rệt trong thập niên 1930-1940 đã khiến Đảng không thể trở thành lực lượng đại diện rộng rãi cho dân tộc. Việc đình bản *The Indochinese Tribune* năm 1942 đồng nghĩa với sự chấm dứt vai trò chính trị của Đảng, đồng thời khép lại một quỹ đạo cải lương vốn gắn chặt với sự tồn tại của chính quốc.

Nghiên cứu này gợi mở hướng tiếp cận so sánh Đảng Lập Hiến với các khuynh hướng chính trị khác đương thời - từ phong trào vô sản, các tôn giáo - xã hội mới, cho tới các nhóm thanh niên trí thức cấp tiến - nhằm tái hiện một cách toàn diện hơn bức tranh phong trào dân chủ dân tộc ở Nam Kỳ. Trên nền tảng đó, cần tiếp tục khảo sát vai trò tương tác, cạnh tranh và bổ sung của các lực lượng xã hội khác nhau trong việc định hình con đường dân chủ hóa và hiện đại hóa Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] J. Habermas, *The Structural Transformation of the Public Sphere*. Cambridge, MA: MIT Press, 1989.
- [2] B. Anderson, *Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism*. London: Verso, 2006.
- [3] R. B. Smith, “Bui Quang Chieu and the Constitutionalist Party in French Cochinchina 1917-30,” *Modern Asian Studies*, vol. 3, no. 2, pp. 131-150, 1969.

-
- [4] A. Larcher-Goscha and K. J. Abu-Zeid, "Bui Quang Chieu in Calcutta (1928): The Broken Mirror of Vietnamese and Indian Nationalism," *Journal of Vietnamese Studies*, vol. 9, no. 4, pp. 67-114, 2014.
- [5] V. G. Tran, *The Development of Thought in Vietnam from the Nineteenth Century to the August Revolution of 1945*, vol. 2. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1996.
- [6] V. T. Hoi, "What is freedom?," (In French), *The Annamite Echo*, no. 321, pp. 1-4, Apr. 13, 1922.
- [7] V. T. Vo, T. A. Le, P. V. Pham, and Q. D. Mai, "Activities of the Constitutionalist Party in Cochinchina (1919 - 1942)," *Res Militaris*, vol. 12, no. 1, pp. 239-245, 2022.
- [8] T. H. Nguyen, "Activities of Parti Constitutionnaliste Indochinois in the democratic national movement in Cochinchina (1919-1942)," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 230, no. 08, pp. 96-103, Apr. 2025, doi: 10.34238/tnu-jst.11893.
- [9] P. M. F. Peycam, *The Birth of Vietnamese Political Journalism: Saigon 1916-1930*. New York: Columbia University Press, 2012.
- [10] E. W. Said, *Orientalism*. New York: Vintage Books, 1979 (Original work published 1978).
- [11] H. K. Bhabha, *The Location of Culture*. London and New York: Routledge, 1994.
- [12] The Indigenous Tribune, "Organ of the Indochinese Constitutionalist Party," (In French), *The Indigenous Tribune*, no. 161, pp. 1-4, Apr. 17, 1919.
- [13] Official Statement of the Indochinese Press, "The Demands of the Annamite Constitutionalist Party," (In French), *Indochina Economic Agency*, no. 20, pp. 1-33, Jan. 31, 1925.
- [14] The Indochinese Tribune, "More Than Fifteen Hundred People Acclaimed Our Delegates to the Monetary Commission upon Their Arrival in Saigon," (In French), *The Indochinese Tribune*, no. 1122, pp. 1-4 Apr. 04, 1934.
- [15] J. Danlor, "The Indochinese Grand Council," (In French), *The Indochinese Tribune*, no. 511, pp. 1-4 Jan. 13, 1930.
- [16] T. H. T. Ho, "The Politics of Compromise: The Constitutionalist Party and the Electoral Reforms of 1922 in French Cochinchina," *Modern Asian Studies*, vol. 18, no. 3, pp. 371-391, 1984.
- [17] The Annamite Echo, "Open Letter to Mr. Duong-Van-Loi: On the Bombardment of Co-Am," (In French), *The Annamite Echo*, vol. 11, no. 1448, pp. 1-4, Mar. 26, 1930.
- [18] The Indochinese Tribune, "The Arrival in France of the Annamite Delegates from the Elected Bodies of Cochinchina to the Monetary Commission," (In French), *The Indochinese Tribune*, no. 1104, pp. 1-4, Feb. 19, 1934.
- [19] N. D. Ngo, "The Right to Life and the Fiscal Duty," (In French), *The Indochinese Tribune*, no. 1172, pp. 1-4, Aug. 06, 1934.
- [20] B. Dai, "Proclamation of His Majesty the Emperor of Annam to the Annamite Populations," (In French), *The Indochinese Tribune*, no. 1905, pp. 1-4, Sep. 13, 1939.
- [21] Q. L. Le, "The Year 1940 has passed," (In French), *The Indochinese Tribune*, no. 2088, pp. 1-4, Jan. 03, 1941.
- [22] The Indochinese Tribune, "Give Your Support to the Government Without Hesitation. Subscribe to Indochinese Treasury Bonds," (In French), *The Indochinese Tribune*, no. 2332, pp. 1-4, Sep. 07, 1942.
- [23] Q. C. Bui, "Friends and Compatriots! (Amis & compatriotes!)," (In French), *The Indochinese Tribune*, no. 2342, pp. 1-4, Sep. 30 - Oct. 02, 1942.